

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 08/5/2019

V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Nga

Hội thẩm nhân dân: Ông Phùng Quốc Quân và ông Nguyễn Đức Việt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Huế – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 40/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2019 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2019/QĐXX - ST ngày 18/4/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2019/QĐST-HNGĐ ngày 03/5/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1981, địa chỉ: tiểu khu 8, X, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Trần Bích L – Luật sư văn phòng luật sư Niềm tin công lý, đoàn Luật sư tỉnh Sơn La. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Điều Văn P, sinh năm 1976, địa chỉ: tiểu khu 8, X, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 20 tháng 02 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Hoàng Thị H trình bày:

Chị Hoàng Thị H và anh Điều Văn Phước chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998 do hai bên tự nguyện tìm hiểu, không ai bị ép buộc, được hai bên gia đình đồng ý, đã tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Anh chị không đi đăng ký kết hôn do ở vùng sâu vùng xa không có điều kiện đi ra chính quyền đăng ký cũng không nghĩ đến việc phải đi đăng ký vì vợ chồng có tổ chức

cưới hỏi theo phong tục tập quán và được gia đình hai bên cho phép, hai bên coi nhau như vợ chồng.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2009 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, gia đình sống không hòa thuận. Nguyên nhân là do hai bên thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung, anh Phước thường xuyên đi uống rượu say về đánh đập chửi bới chị H và các con. Mặc dù chị H đã cố gắng chịu đựng nhưng sau thời gian dài anh Phước vẫn không sửa đổi chị H không thể chịu đựng được nên đã ra ngoài ở riêng. Sau thời gian ly thân, chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể duy trì cuộc sống chung. Vì vậy đã viết đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết được ly hôn với anh Phước.

Về con chung: Chị H và anh Phước có 03 con chung là các cháu Điều Thị Phương C2, sinh ngày 20/06/2000, cháu Điều Thị C2 C, sinh ngày 29/8/2005 và cháu Điều Thanh C1, sinh ngày 18/11/2009. Cháu Điều Thị Phương C2 đã đủ 18 tuổi, không đề nghị Tòa án giải quyết. Chị H có nguyện vọng được chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Điều Thị C2 C và cháu Điều Thanh C1 cho đến khi cháu C, cháu C1 trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị cũng đề nghị anh P phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên mức cấp dưỡng tùy anh P quyết định.

Về tài sản chung: Anh chị đã tự thỏa thuận xong về tài sản chung vợ chồng, do vậy chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh chị không nợ ai cũng không cho ai vay nợ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/03/2019, biên bản hòa giải ngày 19/03/2019 và biên bản hòa giải ngày 08/04/2019, bị đơn anh Điều Văn P trình bày:

Về tình cảm: Anh đồng ý với phần trình bày của chị H về quá trình chung sống giữa hai vợ chồng. Anh chị có được gia đình hai bên ủng hộ, tổ chức cưới hỏi cho theo phong tục tập quán nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Trong quá trình chung sống với nhau, anh chị có nhiều bất đồng, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên có xích mích, va chạm với nhau. Anh P thừa nhận nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do anh uống rượu say không làm chủ được bản thân nên đã nhiều lần xảy ra xô xát với chị H. Thời gian chung sống anh P đã nhiều lần níu kéo tình cảm của chị H để mong gia đình hòa thuận nhưng mâu thuẫn vẫn diễn ra trầm trọng. Tại buổi hòa giải đầu tiên, anh P vẫn mong muốn được níu kéo tình cảm vợ chồng không muốn ly hôn với chị H và đề nghị Tòa án hòa giải cho anh chị quay về đoàn tụ. Tuy nhiên, tại buổi hòa giải lần thứ hai ngày 08/4/2019, anh P nhận thấy chị H đã

không còn tình cảm như ban đầu với anh P, anh cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, anh chị không còn tình cảm vợ chồng nên anh nhất trí giải quyết ly hôn.

Về con chung: Anh xác nhận anh chị có 03 con chung là các cháu Điều Thị Phương C2, sinh ngày 20/06/2000, cháu Điều Thị C2 C, sinh ngày 29/8/2005 và cháu Điều Thanh C1, sinh ngày 18/11/2009. Cháu Điều Thị Phương C2 đã đủ 18 tuổi, không đề nghị Tòa án giải quyết. Đối với cháu C2 C và cháu Thanh Bình, nguyện vọng của anh là mong muốn được nuôi một cháu. Tuy nhiên anh cũng tôn trọng ý kiến của các con. Các con muốn ở với ai thì anh cũng nhất trí.

Trong trường hợp hai cháu đều ở với mẹ, anh P nhận trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Điều Thị C2 C mức 750.000đồng/1 tháng; cấp dưỡng nuôi cháu Điều Thanh C1 mức 750.000đồng/1 tháng cùng chị H cho đến khi cháu C và cháu C1 đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi)

Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị không đề nghị tòa án giải quyết.

Tại văn bản ngày 14/3/2019 các cháu Điều Thị C2 C và cháu Điều Thanh C1 đều có nguyện vọng được ở với chị H trong trường hợp chị H và anh P ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản hòa giải ngày 08/4/2019, chị H và anh P đã thỏa thuận thống nhất được với nhau về việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên, do anh chị không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do vậy anh chị không phải là vợ chồng hợp pháp. Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, chị H giữ nguyên các ý kiến theo biên bản hòa giải ngày 08/4/2019. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, luật sư Trần Thị Bích L có ý kiến như sau: Về tình cảm, chị H và anh P chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998, mặc dù có được tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán tuy nhiên không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình việc anh chị chung sống như vợ chồng không làm phát sinh nghĩa vụ giữa vợ và chồng của các bên. Thời điểm hiện tại anh P, chị H chưa thực hiện thủ tục kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh P và chị H. Về con chung, Chị H và anh P đã thỏa thuận được, đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của các bên. Về tài sản chung, nợ chung anh P, chị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa,

đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật. Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 14; Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hoàng Thị H và anh Điều Văn P.

Về con chung: Giao cháu Điều Thị C2 C và cháu Điều Thanh C1 cho chị Hợi trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu C, cháu C1 trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh P có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Điều Thị C2 C mức 750.000đồng/1 tháng; cấp dưỡng nuôi cháu Điều Thanh C1 mức 750.000đồng/1 tháng cùng chị H cho đến khi cháu C và cháu C1 đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 5 năm 2019.

Về tài sản chung vợ chồng: Chị H, anh P đã tự thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện được xác định trong đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn chị Hoàng Thị H trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án là được ly hôn với anh Điều Văn P. Chị H và anh P đều có Hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại tiểu khu 8, X, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án hôn nhân gia đình và xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn là đúng quy định của pháp luật. Mặc dù tại phiên hòa giải, anh P và chị H đã thống nhất được với nhau về các nội dung có L quan trọng việc giải quyết vụ án. Nhưng do anh chị không có đăng ký kết hôn, không phải là vợ chồng hợp pháp nên Tòa án mở phiên tòa xét xử để xét yêu cầu của chị H là đúng quy định tại điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trước khi xét xử, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với cả nguyên đơn và bị đơn. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt không có lý do, Tòa án căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành phiên tòa xét xử sơ thẩm.

[2]. Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Hoàng Thị H và anh Điều Văn P tự tìm hiểu và về sống chung thành vợ chồng từ năm 1998 đến nay nhưng anh chị không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh chị có được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán.

Trong quá trình chung sống cùng nhau, hai bên thường xuyên có mâu thuẫn, bất đồng trong cuộc sống chung. Mâu thuẫn trầm trọng nhất bắt đầu từ năm 2009 khi tình cảm vợ chồng rạn nứt, anh P thường xuyên uống rượu say không làm chủ được bản thân nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, xô xát. Trong quá trình chuẩn bị xét xử, tại biên bản hòa giải ngày 08/4/2019, chị H và anh P nhất trí ly hôn. Tại phiên tòa, chị H giữ nguyên ý kiến được ly hôn với anh P. Hội đồng xét xử xét thấy, anh P và chị H mặc dù có sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1998, có được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, thì anh P chị H không phải là vợ chồng hợp pháp, quan hệ hôn nhân không được pháp luật thừa nhận. Do đó cần căn cứ khoản 1 Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hoàng Thị H và anh Điều Văn P.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 03 con chung là các cháu Điều Thị Phương C2, sinh ngày 20/06/2000, cháu Điều Thị C2 C, sinh ngày 29/8/2005 và cháu Điều Thanh C1, sinh ngày 18/11/2009. Cháu Điều Thị Phương C2 đã đủ 18 tuổi, không đề nghị Tòa án giải quyết. Tại phiên hòa giải ngày 08/4/2019, Chị H, anh P thỏa thuận giao cháu Điều Thị C và cháu Điều Thanh C1 cho chị Hợi trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu C, cháu C1 trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh P có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Điều Thị C mức 750.000đồng/1 tháng; cấp dưỡng nuôi cháu Điều Thanh C1 mức 750.000đồng/1 tháng cùng chị H cho đến khi cháu C và cháu C1 đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Tại phiên tòa, chị H không có ý kiến thay đổi nội dung này. Hội đồng xét xử xét thấy, việc chị H, anh P thống nhất trách nhiệm nuôi dưỡng con chung theo nguyện vọng của con chung trên 07 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật, mức cấp dưỡng do anh chị tự thỏa thuận là bảo đảm quyền lợi của con chung chưa thành niên. Căn cứ quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận sự thỏa thuận của anh P và chị H về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Cụ thể: Giao cháu Điều Thị C và cháu Điều Thanh C1 cho chị Hợi trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu C, cháu Bình trưởng

thành (đủ 18 tuổi). Anh P có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Điều Thị C2 C mức 750.000đồng/1 tháng; cấp dưỡng nuôi cháu Điều Thanh C1 mức 750.000đồng/1 tháng cùng chị H cho đến khi cháu C và cháu C1 đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh P, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

[2.4] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 14; các Điều 15; 16; 53; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6; điểm a khoản 5; điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hoàng Thị H và anh Điều Văn P.

2. Về con chung:

Giao cháu Điều Thị C và cháu Điều Thanh C1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu C, cháu C1 trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có yêu cầu khác.

Anh P có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Điều Thị C mức 750.000đồng/1 tháng; cấp dưỡng nuôi cháu Điều Thanh C1 mức 750.000đồng/1 tháng cùng chị H cho đến khi cháu C và cháu C1 đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5 năm 2019.

Sau khi ly hôn, anh P được quyền thăm nom con; không ai được cản trở anh P thực hiện quyền này theo quy định của Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung, nợ chung : Chị H, anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên không được giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nợ chung và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

4. Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn là 300.000VNĐ nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 VNĐ đã nộp theo biên lai thu số: AA/2016/0002117 ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự

huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Anh P phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ là 150.000VNĐ.

6. Về quyền kháng cáo: chị Hoàng Thị H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Điều Văn P được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- Cục THADS huyện Mai Sơn;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Nga